

Bản án số: 20/2018/DS-ST  
Ngày: 29-3-2018  
V/v “Tranh chấp hợp đồng  
góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vui

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Kim Thành
2. Ông Nguyễn Văn Thản

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 302/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 01, ấp 6, xã SN, huyện TC, tỉnh TN.

***- Bị đơn:*** Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Tổ 34, ấp CA, xã CG, huyện GD, tỉnh TN.

Tất cả có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà yêu cầu bà Đ trả lại 25.000.000 đồng tiền hụi, không yêu cầu tính lãi suất. Trước đây bà làm chủ hụi, bà Đ có tham gia hụi cụ thể như sau:

Dây hụi tháng 1.000.000 đồng bắt đầu mở hụi ngày 30/01/2016, kết thúc ngày 30/9/2017, gồm 21 phần, bà Đ tham gia 02 phần, trong danh sách hụi ghi tên “mợ 2”, bà Đ lĩnh hụi vào ngày 30/3 và 30/4/2016. Sau đó bà Đ góp hụi đầy đủ đến tháng 8/2016, còn tháng 9/2016 bà Đ chỉ góp 1.000.000 đồng còn nợ lại 1.000.000 đồng rồi ngưng không góp nữa. Hiện tại bà Đ còn nợ lại 12 lần góp hụi

và 1.000.000 đồng còn nợ lại của tháng 9/2016 tổng cộng là 25.000.000 đồng. Vào ngày 29/11/2016 bà có khởi kiện yêu cầu bà Đ trả cho bà tổng cộng số tiền 104.517.000 đồng, trong đó có 25.000.000 đồng tiền hội, tuy nhiên bà thấy thời điểm bà khởi kiện đây hội trên chưa kết thúc nên bà rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hội là 25.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó bà Đ cũng không góp hội và bà có đòi nhiều lần nhưng bà Đ vẫn không góp. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu một mình bà Đ, không yêu cầu con của bà Đ có trách nhiệm cùng trả.

*Bị đơn bà Đỗ Thị Đ trình bày:* Bà không tham gia góp hội của bà Đ nên bà không nợ tiền hội bà Đ. Bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn B chung sống có 04 người con: Nguyễn Hồng T, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Tấn H, ông B chết tháng 9/2016. Trường hợp Tòa án buộc trả nợ thì bà lãnh trả một mình, các con bà không có trách nhiệm trả và bà không yêu cầu các con cùng trả.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Bà L yêu cầu bà Đ trả lại tiền hội là 25.000.000 đồng. Ngược lại bà Đ cho rằng không tham gia chơi hội nên bà không nợ tiền hội bà Đ. Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2] Qua kết quả xác minh thu thập chứng cứ người làm chứng thể hiện, bà Đ có tham gia góp hội, nhưng không biết được bà Đ còn nợ bao nhiêu tiền hội còn phải góp. Phía bà L đã cung cấp giấy hội ghi các thành viên tham gia góp hội và ngày lĩnh hội, nhưng không thể hiện nội dung theo dõi những lần góp hội và cũng không cung cấp chứng cứ gì thêm để chứng minh việc bà Đ còn nợ tiền hội còn phải góp là 25.000.000 đồng. Qua thu thập hồ sơ thụ lý số 290/2016/TLDS-ST ngày 29/11/2016 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà L với bà Đ thì thấy, từ đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản làm việc của Tòa án, bà L chỉ ghi và trình bày tổng số tiền nợ là 104.517.000 đồng, không thể hiện có số nợ tiền hội 25.000.000 đồng. Hơn nữa tại biên bản hòa giải và biên bản hòa giải thành thể hiện bà Đ rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 25.000.000 đồng là tiền vượt không phải tiền hội. Tại phiên tòa bà L khai thời điểm làm giấy nợ 104.517.000 đồng ngày 28/8/2016 bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ góp hội 01 đến 02 tháng nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2017 và tại phiên tòa bà khai bà Đ góp hội đầy đủ đến tháng 9/2016 chỉ còn nợ lại 1.000.000 đồng. Như vậy tại thời điểm làm giấy nợ bà Đ chưa vi phạm nghĩa vụ góp hội thì tại sao gộp chung phần tiền hội phải góp vào trong số tiền 104.517.000 đồng.

[3] Từ những phân tích trên, chưa có đủ cơ sở xác định bà Đ có tham gia góp hụi do bà L làm chủ theo quy định tại Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hụi, họ, biêu, phường, cũng không có cơ sở chứng cứ chứng minh bà Đ còn nợ bao nhiêu tiền hụi phải góp. Do đó xét thấy yêu cầu của bà L là không có căn cứ và đề nghị của Viện kiểm sát là có phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là phù hợp theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005.

[4] Ghi nhận bà L không yêu cầu chị Nguyễn Hồng T, chị Nguyễn Hồng T, chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ trả nợ.

[5] Án phí: Do yêu cầu của bà L không được Tòa án chấp nhận nên bà phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào **Điều 479** Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP về hụi, họ, biêu, phường,

Căn cứ vào các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”. của bà Nguyễn Thị L đối với bà Đỗ Thị Đ.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà đã nộp 625.000 đồng theo biên lai thu số 0012789 ngày 17-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD. Bà L phải nộp thêm 625.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Vui**

